

Số: 111 /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Điện lực số 61/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 94/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ Thông tư số 41/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về quản lý an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cơ chế phối hợp và các biện pháp tổ chức thực hiện thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý an toàn sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; việc tiếp nhận, trao đổi thông tin, phối hợp rà soát, cảnh báo và xử lý nguy cơ mất an toàn điện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; đơn vị điện lực và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến

việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác quản lý an toàn sử dụng điện trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị và kịp thời xử lý thông tin về nguy cơ mất an toàn điện.

2. Nội dung về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, khách hàng sử dụng điện và đơn vị điện lực đã được pháp luật quy định thì thực hiện theo quy định của pháp luật; Quyết định này không đặt thêm thủ tục hành chính, điều kiện, quyền, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm pháp lý mới.

3. Hoạt động phối hợp phải bảo đảm chủ động, thống nhất, không chồng chéo; ưu tiên phòng ngừa, cảnh báo sớm và xử lý kịp thời nguy cơ mất an toàn điện.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp của Sở Công Thương

1. Là cơ quan đầu mối thường trực trong phối hợp quản lý an toàn sử dụng điện trên địa bàn tỉnh; chủ trì theo dõi, tổng hợp tình hình, tiếp nhận thông tin và điều phối việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Chủ trì tiếp nhận, phân loại thông tin, phản ánh về nguy cơ mất an toàn điện; chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền chủ trì xử lý theo quy định của pháp luật và trong thời hạn quy định tại Điều 11 Quyết định này.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương và đơn vị điện lực tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật, hướng dẫn kỹ năng sử dụng điện an toàn; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 5. Trách nhiệm phối hợp của Công an tỉnh

1. Phối hợp trao đổi thông tin, tuyên truyền, cảnh báo và xử lý các nguy cơ cháy, nổ, tai nạn, sự cố có liên quan đến sử dụng điện theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

2. Chỉ đạo lực lượng Công an cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị điện lực và cơ quan có liên quan trong phòng ngừa, xử lý vụ việc về cháy, nổ, cứu nạn, cứu hộ có liên quan đến sử dụng điện.

Điều 6. Trách nhiệm phối hợp của Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng phối hợp cung cấp thông tin, hướng dẫn và xử lý theo thẩm quyền đối với việc tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn về hệ thống điện trong công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

2. Các sở, ban, ngành, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp tuyên truyền, cung cấp thông tin và xử lý hoặc kiến nghị xử lý nguy cơ mất an toàn điện trong lĩnh vực quản lý.

Điều 7. Trách nhiệm phối hợp của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng điện an toàn; nắm tình hình, tiếp nhận phản ánh và kịp thời thông tin cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền về nguy cơ mất an toàn điện trên địa bàn.

2. Phối hợp với Sở Công Thương, đơn vị điện lực và cơ quan có liên quan trong việc rà soát, phát hiện, cảnh báo các khu vực, vị trí có nguy cơ mất an toàn điện trên địa bàn; tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn điện. Trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật hoặc nguy cơ vượt quá thẩm quyền xử lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, kịp thời thông tin cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

3. Tổng hợp, báo cáo tình hình tai nạn điện, sự cố và kết quả phối hợp xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 8. Trách nhiệm phối hợp của đơn vị điện lực

1. Phối hợp cung cấp thông tin về nguy cơ mất an toàn liên quan đến lưới điện, thiết bị điện thuộc phạm vi quản lý và điểm đấu nối; cử nhân sự có chuyên môn tham gia phối hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị.

2. Phối hợp tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn kỹ thuật về sử dụng điện an toàn trong phạm vi chuyên môn; cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền.

3. Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của đơn vị điện lực, việc thông báo và ngừng, giảm mức cung cấp điện thực hiện theo quy định của pháp luật về điện lực và hợp đồng mua bán điện; Quyết định này không làm phát sinh nghĩa vụ mới đối với đơn vị điện lực.

Điều 9. Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn khách hàng sử dụng điện

1. Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị điện lực và cơ quan có liên quan phối hợp tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật và hướng dẫn kỹ năng sử dụng điện an toàn phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn.

2. Việc xác định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của khách hàng sử dụng điện thực hiện theo Luật Điện lực và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; không quy định lại tại Quyết định này.

Điều 10. Phối hợp rà soát nguy cơ mất an toàn đối với dây dẫn, thiết bị điện phía sau điểm đo đếm

1. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với đơn vị điện lực và cơ quan có liên quan trong việc rà soát, tuyên truyền, cảnh báo tại các khu vực, vị trí có nguy cơ cao mất an toàn điện phía sau điểm đo đếm.

2. Khi phát hiện nguy cơ, đơn vị điện lực phối hợp hướng dẫn kỹ thuật trong phạm vi chuyên môn; Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân khắc phục và chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Trách nhiệm bảo đảm an toàn đối với dây dẫn, thiết bị điện của tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về điện lực.

Chương III

PHỐI HỢP RÀ SOÁT, XỬ LÝ NGUY CƠ MẤT AN TOÀN ĐIỆN

Điều 11. Tiếp nhận, trao đổi thông tin và phối hợp xử lý

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị, địa phương khi tiếp nhận hoặc phát hiện thông tin về nguy cơ mất an toàn điện thực hiện xác minh ban đầu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền xử lý, đồng thời thông tin cho Sở Công Thương để theo dõi, điều phối khi vụ việc có liên quan đến từ hai cơ quan, đơn vị trở lên. Trường hợp phát hiện nguy cơ trực tiếp có thể gây tai nạn điện, cháy, nổ thì phải chuyển thông tin ngay; trường hợp khác chuyển thông tin trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào ngày làm việc tiếp theo.

2. Cơ quan được xác định chủ trì xử lý phản hồi đầu mỗi phối hợp và cập nhật kết quả xử lý cho Sở Công Thương, cơ quan đã chuyển thông tin theo tiến độ giải quyết vụ việc. Thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này chỉ áp dụng đối với hoạt động phối hợp, trao đổi thông tin theo Quyết định này và không thay thế thời hạn giải quyết vụ việc theo pháp luật chuyên ngành.

3. Trường hợp phát hiện nguy cơ trực tiếp có thể gây tai nạn điện, cháy, nổ, cơ quan, đơn vị phát hiện thực hiện ngay biện pháp thuộc thẩm quyền hoặc chuyển, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời thông tin cho các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp. Sở Công Thương theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả đối với vụ việc có sự tham gia của từ hai cơ quan, đơn vị trở lên.

4. Việc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và xử lý vi phạm thực hiện theo quy định của pháp luật. Hoạt động rà soát theo Quyết định này nhằm phát hiện, trao đổi thông tin và phối hợp xử lý nguy cơ mất an toàn điện, không làm phát sinh hoạt động thanh tra, kiểm tra, thủ tục hoặc thẩm quyền mới.

Điều 12. Thông tin, dữ liệu và báo cáo

1. Sở Công Thương là đầu mối tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ công tác phối hợp quản lý an toàn điện; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan có liên quan tổ chức cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu phù hợp với nền tảng số của tỉnh và theo quy định của pháp luật về dữ liệu, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Việc chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện thông qua hệ thống quản lý văn bản, nền tảng số dùng chung của tỉnh, thư điện tử công vụ hoặc phương thức phù hợp khác theo quy định; bảo đảm đúng mục đích, đúng thẩm quyền, an toàn và bảo mật thông tin.

3. Chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất của các cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Đối với đơn vị điện lực và tổ chức, cá nhân, việc cung cấp thông tin, dữ liệu, báo cáo chỉ thực hiện trong trường hợp pháp luật quy định hoặc theo yêu cầu hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền.

4. Nội dung, phạm vi, phương thức cung cấp, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 13. Phối hợp quản lý an toàn lưới điện nông thôn tại khu vực vùng sâu, vùng xa

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì rà soát, thống kê tuyến lưới điện nông thôn do tổ chức, cá nhân quản lý, các vị trí mất an toàn và nhu cầu cải tạo; gửi kết quả về Sở Công Thương.

2. Sở Công Thương chủ trì tổng hợp, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị điện lực và cơ quan có liên quan đề xuất phương án xử lý, cải tạo, việc tiếp nhận hoặc chuyển giao quản lý lưới điện nông thôn theo quy định của pháp luật; ưu tiên khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp phát sinh vụ việc phức tạp, liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị hoặc vượt thẩm quyền xử lý của một cơ quan, Sở Công Thương chủ trì tổ chức họp hoặc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan để thống nhất phương án phối hợp; trường hợp vượt thẩm quyền, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2026.

2. Giao Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Như khoản 3 Điều 15 (thực hiện);
- Báo và Phát thanh, TH tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin – Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu VBQPPL tỉnh;
- Lưu VT, KTN (Hồng)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Tuấn